

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-9-2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Kim Quý

2. Ông Vũ Mạnh Cường

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc: Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Cùng địa chỉ: Khu 11, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn X - chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, nhưng đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại bản tự khai cũng tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 11/3/2019. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh H tại khu 11, xã P. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được thời rất ngắn, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn và vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đầu năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/10/2019; hiện nay con chung đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; Quyền về tài sản và công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị T trình bày vợ chồng có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.000.000đồng. Ly hôn chị đề nghị giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 8 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Văn H có quan điểm trình bày:

Thời điểm kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng. Anh thừa nhận anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T đã trình bày. Đến tháng 6/2020, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh H thừa nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng Kh. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Quyền, về tài sản và công sức: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Anh H cũng nhất trí lời trình bày của chị T là vợ chồng còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.000.000đồng. Anh cũng đề nghị giải quyết khoản nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê có quan điểm trình bày: Ngày 18/02/2020, anh Nguyễn Văn H trực tiếp đại diện đứng ra ký hợp đồng vay của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng chẵn). Nay đề nghị vợ chồng anh H, chị T cùng phải có nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng hai bên đã ký kết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn trong vụ án không đến Tòa án làm việc, hòa giải và xét xử vụ án là chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/10/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T số tiền 1.000.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2020 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; quyền về tài sản và công sức: Chị T và anh H không đề nghị giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về nghĩa vụ tài sản: Đối với số nợ 50.000.000đồng anh chị đều xác định là nợ chung của vợ chồng. Để đảm bảo việc trả nợ cho Ngân hàng, cần giao anh chị mỗi người có nghĩa vụ trả 1/2 số nợ là phù hợp.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng anh H không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được mà đưa vụ án ra xét xử; Mặc dù Tòa án đã giao giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng anh H không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin được ly hôn anh Nguyễn Văn H thấy rằng:* Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 11/3/2019, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại địa phương xã Phụng Vĩ cũng thể hiện: Anh chị có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; từ tháng 6/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do chị T và anh H cùng có quan điểm nhất trí ly hôn, do đó cần công nhận sự tự nguyện ly hôn của anh chị.

[3]. Về con chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức:

3.1. Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/10/2019. Quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị T cùng có quan xin được trực tiếp nuôi con chung. Chị T đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Xét thấy: Hiện nay con chung của anh chị còn rất nhỏ, chưa được một tuổi, nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Trong khi anh chị không thống nhất được việc nuôi con. Do đó, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung thấy rằng: Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”.

Do đó, cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Kết quả xác minh nghề nghiệp và thu nhập của anh H thấy rằng: Hiện này anh H nghề nghiệp chính là lao động tự do; thu nhập không ổn định, trong khi mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương xã P Vĩ 27.500.000đồng/người/năm (số liệu năm 2019). Nên buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng là phù hợp.

3.2. Về Quyền về tài sản và công sức: Chị T và anh H không đề nghị giải quyết; nên Tòa án không xem xét.

3.3. Về nghĩa vụ tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh H và Đại diện phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Cẩm Khê đều có quan điểm xác định vợ chồng anh H, chị T còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Cẩm Khê số

tiền 50.000.000đồng. Trong khi đó, Ngân hàng đề nghị cả anh chị đều phải có nghĩa vụ trả nợ chung đối với khoản vay này. Do đó, cần giao cho cả chị T và anh H cùng có nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng C huyện Cẩm Khê; kỷ phần mỗi người phải trả ½ số nợ tương ứng số tiền 25.000.000đồng; lãi suất phát sinh tương ứng số tiền theo hợp đồng đã ký là phù hợp.

[4]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và phải chịu án phí nghĩa vụ về tài sản theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí nghĩa vụ tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55; 81, 82; 83; 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a, e khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/con/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2020 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về nghĩa vụ tài sản:*

Giao anh Nguyễn Văn H trực tiếp trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính xã hội huyện Cẩm Khê số tiền 25.000.000đ (Hai lăm triệu đồng), lãi suất tương ứng phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Giao chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng C huyện Cẩm Khê số tiền 25.000.000đ (Hai lăm triệu đồng), lãi suất tương ứng phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ về tài sản. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003673, ngày 08/7/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị T còn phải nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H có nghĩa vụ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và phải nộp 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ về tài sản.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị T có mặt được quyền kháng cáo. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh H hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng